

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số Sở Ngoại vụ năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và các văn bản liên quan¹, Sở Ngoại vụ xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về đối ngoại của Sở Ngoại vụ; từng bước cải thiện hiệu quả công tác quản lý, điều hành nội bộ và cung cấp các dịch vụ công liên quan đến hội nhập, hướng tới sự minh bạch, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.
- Tạo nền tảng vững chắc cho ứng dụng CNTT, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo (AI); hình thành môi trường làm việc số hiện đại, làm tiền đề trong những năm tiếp theo.
- Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số.
- Góp phần thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi và Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Yêu cầu

- Bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Lãnh đạo Sở; phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Sở Ngoại vụ.
- Bảo đảm đồng bộ, toàn diện, khả thi; tập trung nhiệm vụ nền tảng, trọng tâm, phù hợp nguồn lực.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và toàn thể cán bộ, công chức; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

- Người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị gương mẫu, tiên phong, đi đầu trong công tác chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số tại lĩnh vực phụ trách.
- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị.

2. Thể chế, chính sách số

- Tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ, quy chế làm việc hiện hành của Sở để đảm bảo tính tương thích và phù hợp với môi trường số. Mục tiêu là khuyến khích tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin, các giải pháp số hóa trong mọi hoạt động, quy trình công tác của đơn vị.

- Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể về quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu số nội bộ, đồng thời thiết lập cơ chế liên thông, trao đổi dữ liệu an toàn với các cơ quan, đơn vị khác. Đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin, quyền riêng tư và an toàn dữ liệu.

- Tổ chức triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh liên quan đến chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số vào thực tiễn hoạt động của Sở, đảm bảo các chủ trương, chính sách được cụ thể hóa và thực thi hiệu quả.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng và văn bản điện tử trong toàn bộ các quy trình xử lý công việc, từ khâu tiếp nhận, xử lý đến ban hành và lưu trữ văn bản. Hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc không giấy tờ, nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

3. Hạ tầng số

- Rà soát, nâng cấp hệ thống máy tính, thiết bị văn phòng đảm bảo kết nối internet ổn định, đáp ứng yêu cầu làm việc số.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án triển khai hệ thống mạng nội bộ (LAN) và các thiết bị bảo mật cơ bản, đảm bảo an toàn thông tin theo yêu cầu của chuyển đổi số.

4. Nhân lực số

- Lòng ghép vào các cuộc hội, họp nhằm truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức về chuyển đổi số.

- Thường xuyên cử cán bộ công chức, người lao động tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, AI do các cấp tổ chức.

- Nâng cao khả năng sử dụng các hệ thống, ứng dụng mới được triển khai, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ công tác đối ngoại.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chức năng, tính năng Cổng dịch vụ công; Hệ thống quản lý hồ sơ công chức; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

- Triển khai các ứng dụng và thực hiện có hiệu quả các hệ thống/ nền tảng ứng dụng của ngành Ngoại vụ.

- Rà soát, phân loại và tiến hành số hóa các tài liệu, hồ sơ quan trọng liên quan đến hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, đảm bảo khả năng tra cứu và khai thác hiệu quả.

- Chuẩn hóa một số quy trình nghiệp vụ cơ bản để tích hợp vào hệ thống

điện tử, tối ưu hóa quy trình làm việc.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 166/KH UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh, đồng thời; chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với các hệ thống thông tin của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với Công an tỉnh theo dõi, vận hành hệ thống tường lửa (Sophos) của Sở nhằm tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của Sở; 100% hệ thống máy tính (trừ máy tính dùng để soạn thảo văn bản mật) đều được kết nối vào mạng nội bộ và mạng internet, hệ thống máy tính được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc có bản quyền BKAV Endpoint đạt tỷ lệ 100%.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh; kết nối, tích hợp với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh,...

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế, xã hội.

- Xây dựng hệ thống quản lý văn bản điện tử cơ bản để số hóa quy trình tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản nội bộ, giảm thiểu giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý.

- Xây dựng Trang thông tin điện tử hoặc chuyên mục trên website của Sở để cung cấp thông tin công khai, minh bạch về các dịch vụ công liên quan đến hội nhập quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- Nghiên cứu triển khai các Ứng dụng AI ở mức khởi đầu (*chatbot, trợ lý ảo*) trong hỗ trợ xử lý TTHC và công việc nội bộ.

8. Truyền thông - nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống mất an toàn thông tin.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông (infographic, cẩm nang, video ngắn) về lợi ích và cách thức triển khai chuyển đổi số tại Sở.

- Tận dụng các kênh truyền thông nội bộ và bên ngoài (*website, mạng xã hội, bản tin*) để lan tỏa thông tin về chuyển đổi số.

- Khuyến khích cán bộ, công chức tham gia tích cực vào các hoạt động

truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm và ý tưởng về chuyển đổi số.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm 2026 (*Có phụ lục 1, 2 được ban hành kèm theo Kế hoạch này*).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong công tác chuyển đổi số; truyền thông, quán triệt nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện công tác chuyển đổi số và cải cách hành chính, nhất là người đứng đầu; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ; có hình thức khen thưởng phù hợp để động viên, khuyến khích trong thực hiện nhiệm vụ.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực Ngoại vụ. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng đồng bộ, hiện đại đáp ứng được nhu cầu công việc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Chủ trì, phối hợp, các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện kế hoạch này; báo cáo Giám đốc Sở, Sở Khoa học và Công nghệ về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Bảo đảm hạ tầng, đường truyền kết nối, quản lý, duy trì, vận hành, đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.

- Tham mưu Giám đốc Sở cân đối, bố trí kinh phí chi cho nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

2. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các nội dung theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch

này; đồng thời, chủ động rà soát, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời và khai thác có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh và các phần mềm do Bộ, Ngành triển khai. Kiểm tra, theo dõi và giải quyết nhanh, kịp thời các hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Chủ động đề xuất nội dung, nguồn kinh phí trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

3. Toàn thể cán bộ, công chức: Nghiêm túc thực hiện các quy định, hướng dẫn về chuyển đổi số, an toàn thông tin; tích cực học hỏi và ứng dụng công nghệ vào công việc, góp phần vào thành công chung của Kế hoạch và thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW.

Kế hoạch này là căn cứ để các phòng, đơn vị tổ chức triển khai chuyển đổi số năm 2026, góp phần xây dựng Sở Ngoại vụ hiện đại, chuyên nghiệp, hội nhập. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị phản ánh kịp thời Giám đốc Sở (*qua Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở*) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học - Công nghệ;
- SNGV: GD, các PGD, NVĐN;
- CBCC Sở Ngoại vụ;
- Lưu: VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Diệu

PHỤ LỤC 1
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNgV ngày /01/2026 của Giám đốc Sở Ngoại vụ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần đạt 80%.	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính; thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
4	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 95%	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7	Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI đạt 30%	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 100%.	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo đạt 100%	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
10	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp
II	Hạ tầng số		
1	Hoàn thành đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và liên thông từ Trung ương đến cấp xã đạt 100%	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
3	Tỷ lệ bộ dữ liệu dùng chung của tỉnh được công khai dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 20%	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
III	An toàn thông tin		
1	Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đạt tỉ lệ 100%	Phòng Hành chính - tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
2	Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt tỉ lệ 100%	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
IV	Nguồn nhân lực		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	100% Cán bộ Công chức tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, AI	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
V	Triển khai ứng dụng và thực hiện các hệ thống/ nền tảng ứng dụng của ngành¹		
1	Nền tảng/Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao (<i>nền tảng số giải quyết thủ tục hành chính và tương tác với người dân, doanh nghiệp</i>)	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
2	Nền tảng quản lý các điều ước và thỏa thuận quốc tế (<i>nền tảng phục vụ nghiệp vụ chuyên ngành</i>)	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở
3	Nền tảng lãnh sự dùng chung của Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (<i>nền tảng phục vụ nghiệp vụ chuyên ngành</i>)	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại	Các Phòng, đơn vị thuộc Sở

¹ Tại phụ lục I và III của Quyết định số 2618/QĐ-KHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NGOẠI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DỰ KIẾN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNgV ngày /01/2026 của Giám đốc Sở Ngoại vụ)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Số hoá tài liệu của Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
2	Triển khai đánh giá an toàn thông tin theo cấp độ 2 đã được phê duyệt của Phòng Hành chính - Tổng hợp (Quyết định số 164/QĐ-STTTT ngày 07/12/2022)	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
3	Phối hợp, đảm bảo hạ tầng để triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
4	Nâng cấp, mua sắm mới các thiết bị mạng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
5	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử thành phần của Sở	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại
6	Triển khai Chatbot AI hỗ trợ cán bộ, công chức là hệ thống trợ lý ảo thông minh ứng dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI)	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phòng Nghiệp vụ Đối ngoại

Ghi chú:

- Nội dung và kinh phí cụ thể sẽ được xác định khi ngân sách bố trí năm 2026 được phê duyệt.
- Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ nền tảng: hạ tầng số, an toàn thông tin, số hóa dữ liệu và đào tạo nhân lực.

i Gồm: (1) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (3) Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong

tình hình mới; (4) Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (5) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; (6) Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; (7) Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (8) Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; (9) Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; (10) Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; (11) Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; (12) Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (13) Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (14) Kế hoạch số 05/KH/UBND ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (15) Số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (16) số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (17) số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; (18) số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (19) Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030